

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *M* /2016/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2016

UBND HUYỆN CẨM GIANG	
ĐẾN	Số: <i>2339</i>
	Ngày: <i>03/11/2016</i>
Chuyên: <i>Lưu - Lưu ra - Trả</i>	
<i>gd dt - đt</i>	

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2016 - 2017**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009; Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2016-2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2016-2017 như sau:



# 1. Học phí giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học:

## a) Học phí giáo dục đại học:

TT	Tên trường	Nhóm ngành	Mức thu (đồng/học sinh/tháng)
1	Đại học Hải Dương		
	Đại học	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	640.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	700.000
	Cao đẳng chuyên nghệ	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	485.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	600.000
2	Cao đẳng Hải Dương		
	Cao đẳng chuyên nghệ	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	485.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	600.000
	Trung cấp chuyên nghệ	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	415.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	450.000
3	Trung cấp Y tế Hải Dương	Y dược	640.000
4	Trung cấp Văn hoá – Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương	Văn hoá, Nghệ thuật, Du lịch	165.000

Đào tạo thạc sỹ: Mức thu học phí gấp 1,5 lần mức thu học phí đại học nêu trên.



b) Học phí giáo dục nghề nghiệp:

TT	Tên trường, trình độ đào tạo	Mức thu (đồng/học sinh/tháng)
	<b>Trường Cao đẳng nghề Hải Dương</b>	
1	Cao đẳng nghề	315.000
2	Trung cấp nghề	275.000

**2. Học phí mầm non và giáo dục phổ thông công lập:**

TT	Cấp học	Mức thu (đồng/học sinh/tháng)		
		Thành thị (các phường của thành phố Hải Dương và phường Sao Đỏ của thị xã Chí Linh)	Miền núi (các xã thuộc thị xã Chí Linh: An Lạc, Bắc An, Cổ Thành, Đông Lạc, Hoàng Hoa Thám, Hoàng Tiến, Hưng Đạo, Lê Lợi, Nhân Huệ, Tân Dân, Văn Đức, Kênh Giang)	Nông thôn và các khu vực còn lại
1	Nhà trẻ	150.000	60.000	110.000
2	Mẫu giáo	120.000	60.000	90.000
3	Trung học cơ sở	90.000	50.000	70.000
4	Trung học phổ thông	120.000	60.000	90.000
5	Bổ túc THPT	120.000	60.000	90.000
6	Hướng nghiệp	30.000	20.000	25.000

**3. Thời gian thực hiện:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016, mức thu học phí giáo dục đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp thực hiện theo mức thu quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; mức thu học phí giáo dục phổ thông công lập, giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo mức thu quy định tại Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; mức thu học phí giáo dục mầm non công lập thực hiện theo mức thu quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng:** Theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (100b) *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Dương Thái*  
**Nguyễn Dương Thái**